

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ PHIÊNG PẦN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Phiêng Pần, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thu hồi, phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025 (đợt 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHIÊNG PẦN
KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

Căn cứ Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc Ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách Nhà nước khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về giao dự toán thu, chi ngân sách xã, phường và mức bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước cấp huyện còn lại khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 22/07/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách xã Phiêng Pần năm 2025 (đợt 1); Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 06/08/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách xã Phiêng Pần năm 2025 (đợt 2); Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Phiêng Pần về việc về việc thu hồi dự toán chi ngân sách xã năm 2025;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã, Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BKTNS ngày 30/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thu hồi, phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025 (đợt 2), như sau:

1. Thu hồi dự toán

Dự toán thu hồi ngân sách xã Phiêng Pần là: **1.116.991.000 đồng**, cụ thể như sau:

- Các đơn vị sự nghiệp: **959.136.000 đồng** (Kinh phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện chính sách Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện chính sách đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT, Kinh phí thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP).

- Văn phòng HĐND-UBND: **20.450.000 đồng** (Lương và các khoản đóng góp theo lương).

- Phòng Văn hoá - Xã hội: **112.925.000 đồng** (Quỹ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP).

- Phòng Kinh tế: **24.480.000 đồng** (Kinh phí rà soát hộ nghèo, trong quá trình tổ chức rà soát, đánh giá hộ nghèo định kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều và quy định hiện hành, một số hộ đã có sự thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội, không còn thuộc diện hộ nghèo).

2. Phân bổ dự toán thu hồi

Phân bổ dự toán thu hồi ngân sách xã Phiêng Pần là: **1.366.291.000 đồng** (nhiều hơn số thu hồi 249.300.000 đồng do phân bổ thêm từ dự toán đã thu hồi tại Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Phiêng Pần), cụ thể như sau:

- Phòng Văn hoá - Xã hội: **118.910.100 đồng** (Kinh phí Bảo trợ xã hội năm 2025: phát sinh kinh phí hỗ trợ mai táng phí; đối tượng trẻ dưới 3 tuổi; đối tượng người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định 76/2024/NĐ-CP).

- Văn phòng HĐND-UBND: **38.944.900 đồng** (Chế độ sinh hoạt phí của đại biểu HĐND huyện sau khi sắp xếp đơn vị hành chính: Phụ cấp, các ban HĐND).

- Các Đơn vị sự nghiệp: **1.208.436.000 đồng** (Kinh phí tiền thưởng theo Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện chính sách Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT; Nghị định 66/2025/NĐ-CP).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã:

1.1. Tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.

1.2. Thu hồi, phân bổ chi tiết các khoản chi quản lý tại ngân sách xã, theo các nội dung, nhiệm vụ phát sinh của các phòng ban, cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao theo các quy định hiện hành, báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND xã.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 30/12/2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, đơn vị, đoàn thể của xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Các bản trực thuộc xã;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH


Hà Xuân Liêm

Phụ lục

THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã

Mã số: 1137194

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					18.494.900	
I	Kinh phí tự chủ					-20.450.000	
	Kinh phí tự chủ: Kinh phí chi lương các chính sách theo lương, chi khác...	830	341	13		-20.450.000	
II	Kinh phí không tự chủ					38.944.900	
	Chế độ Sinh hoạt phí của đại biểu HĐND (Phụ cấp, BHYT đại biểu, các ban HĐND)	830	341	12		38.944.900	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pần)

Đơn vị: Phòng văn hoá
Mã số: 1145233

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					5.985.100	
I	Kinh phí tự chủ					24.480.000	
	Chi hoạt động tự chủ (ngoài giờ, công tác phí, điện, nước, văn phòng phẩm, khen thưởng.....)	832	398	13		24.480.000	
II	Kinh phí không tự chủ					94.430.100	
1	Kinh phí Bảo trợ XH năm 2025 (Nghị định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP Nghị định 76/2024/NĐ-CP	832	398	12		86.973.500	
2	Cán bộ xã già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hằng tháng.	832	374	12		7.456.600	
III	Quỹ khen thưởng	832	341	18		-112.925.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pắn)

Đơn vị: Phòng Kinh tế
Mã số: 1145234

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					-24.480.000	
I	Kinh phí tự chủ						
II	Kinh phí không tự chủ					-24.480.000	
1	Kinh phí hoạt động khác (Rà soát hộ nghèo....)	831	341	12		-24.480.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pắn)

Đơn vị: Trường MN Chiềng Lương
 Mã số: 1127673

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					148.806.424	
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	822	071			148.806.424	
1	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Thông tư liên tịch 42/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC)	822	071	12		-14.104.000	
2	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 105)	822	071	12		-91.850.000	
3	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 116, NĐ 66)	822	071	12		148.806.424	
4	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Nghị định số 81, Nghị định 238, CP)	822	071	12		105.954.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: Trường MN Nà Ốt
Mã số: 1123527

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:						
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN						
1	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Nghị định số 81, Nghị định 238, CP)	822	071	12		-15.456.000	
2	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 105)	822	071	12		-4.090.000	
3	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Thông tư liên tịch 42/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH - BTC)	822	071	12		-16.596.000	
4	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 116, NĐ 66)	822	071	12		36.142.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: Trường MN Phiêng Pằn
Mã số: 1127674

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					-11.719.800	
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN					-11.719.800,00	
1	Kinh phí chi tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐCP của Chính phủ	822	071	12		-11.719.800	
2	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Nghị định số 81, Nghị định 238, CP)	822	071	12		-48.650.000	
3	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Thông tư liên tịch 42/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH -BTC)	822	071	12		-62.432.000	
4	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 57/2017/NĐ-CP)	822	071	12		-3.288.000	
5	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 116, NĐ 66)	822	071	12		114.370.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pắn)

Đơn vị: Trường Tiểu học Chiềng Lương
Mã số: 1127676

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					-100.000.000	
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN					-100.000.000	
	Kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh Sơn La					-100.000.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phiêng Pằn

Mã số: 1127675

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					-61.717.624	
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN					-61.717.624	
1	Kinh phí chi tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐCP của Chính phủ	822	072	12		-8.940.200	
1	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Nghị định số 81, Nghị định 238, CP)	822	072	12		-107.350.000	
2	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Thông tư liên tịch 42/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH -BTC)	822	072	12		9.460.000	
3	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 116, NĐ 66)	822	072	12		45.112.576	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: Trường Tiểu học và THCS Chiềng Lương
Mã số: 1127683

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					-96.029.000	
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN					-96.029.000	
1	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Nghị định số 81, Nghị định 238, CP)	822	072	12		-96.029.000	

Phụ lục
THU HỒI, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Pằn
Mã số: 1127685

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng cộng:					249.300.000	
I	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN						
II	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN					249.300.000	
1	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (Nghị định số 81, Nghị định 238, CP)	822	072	12		-381.530.000	
2	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương (NĐ số 116, NĐ 66)	822	072	12		381.530.000	
3	Kinh phí khen thưởng theo NQ124/2019/NQ-HĐND	822	072	12		249.300.000	